

**CHỈ TIÊU VẬN ĐỘNG THU CÁC QUỸ NĂM 2026**

( Kèm theo Thông báo số: 126/TB-UBND ngày 22/5/2026 của UBND phường Tam Thanh)

Stt	Tên đơn vị	Số hộ	Quỹ đền ơn đáp nghĩa (10.000đ/ hộ)	Quỹ bảo trợ trẻ em (10.000đ/ hộ)	Quỹ chăm sóc người cao tuổi (10.000đ/ hộ)	Quỹ Vì người nghèo (10.000đ/ hộ)	Quỹ khuyến học (10.000đ/ hộ)
1	Khối 1	440	4.400.000	4.400.000	4.400.000	4.400.000	4.400.000
2	Khối 2	347	3.470.000	3.470.000	3.470.000	3.470.000	3.470.000
3	Khối 3	530	5.300.000	5.300.000	5.300.000	5.300.000	5.300.000
4	Khối 6	359	3.590.000	3.590.000	3.590.000	3.590.000	3.590.000
5	Khối 7	476	4.760.000	4.760.000	4.760.000	4.760.000	4.760.000
6	Khối 8	272	2.720.000	2.720.000	2.720.000	2.720.000	2.720.000
7	Khối 9	486	4.860.000	4.860.000	4.860.000	4.860.000	4.860.000
8	Khối 10	354	3.540.000	3.540.000	3.540.000	3.540.000	3.540.000
9	Khối 11	239	2.390.000	2.390.000	2.390.000	2.390.000	2.390.000
10	Thôn Nà Pàn	97	970.000	970.000	970.000	970.000	970.000
11	Thôn Tàng Khảm	117	1.170.000	1.170.000	1.170.000	1.170.000	1.170.000
12	Thôn Pàn Pè	138	1.380.000	1.380.000	1.380.000	1.380.000	1.380.000
13	Thôn Nà Sèn	118	1.180.000	1.180.000	1.180.000	1.180.000	1.180.000
14	Thôn Hoàng Thủy	96	960.000	960.000	960.000	960.000	960.000
15	Thôn Bản Viên	187	1.870.000	1.870.000	1.870.000	1.870.000	1.870.000
16	Thôn Hoàng Thanh	128	1.280.000	1.280.000	1.280.000	1.280.000	1.280.000

17	Thôn Chi Mạc	132	1.320.000	1.320.000	1.320.000	1.320.000	1.320.000
18	Thôn Khòn Pịt	226	2.260.000	2.260.000	2.260.000	2.260.000	2.260.000
19	Thôn Hoàng Sơn	168	1.680.000	1.680.000	1.680.000	1.680.000	1.680.000
20	Thôn Đồi Chè	241	2.410.000	2.410.000	2.410.000	2.410.000	2.410.000
21	Thôn Đồng Ớn	270	2.700.000	2.700.000	2.700.000	2.700.000	2.700.000
22	Thôn Hoàng Trung	177	1.770.000	1.770.000	1.770.000	1.770.000	1.770.000
23	Thôn Hoàng Tân	296	2.960.000	2.960.000	2.960.000	2.960.000	2.960.000
24	Thôn Hoàng Tâm	266	2.660.000	2.660.000	2.660.000	2.660.000	2.660.000
25	Thôn Hoàng Thượng	543	5.430.000	5.430.000	5.430.000	5.430.000	5.430.000
<b>Cộng</b>		<b>6.703</b>	<b>67.030.000</b>	<b>67.030.000</b>	<b>67.030.000</b>	<b>67.030.000</b>	<b>67.030.000</b>

Biểu 01

Quỹ hỗ trợ nông dân (10.000đ/ hộ)	Quỹ phòng chống thiên tai (10.000đ/ hộ)
2.000.000	4.400.000
1.535.000	3.470.000
2.500.000	5.300.000
1.645.000	3.590.000
2.280.000	4.760.000
1.260.000	2.720.000
2.330.000	4.860.000
1.620.000	3.540.000
1.095.000	2.390.000
385.000	970.000
485.000	1.170.000
590.000	1.380.000
440.000	1.180.000
380.000	960.000
785.000	1.870.000
540.000	1.280.000

610.000	1.320.000
965.000	2.260.000
690.000	1.680.000
1.005.000	2.410.000
1.150.000	2.700.000
735.000	1.770.000
1.330.000	2.960.000
1.030.000	2.660.000
2.515.000	5.430.000
<b>29.900.000</b>	<b>67.030.000</b>